



Review Article

Capacity of Graduates through the Employer's Assessment

Le Chi Lan*

Saigon University, 273 An Duong Vuong, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 15 September 2020

Revised 13 October 2020; Accepted 15 December 2020

Abstract: Developing human resources training to meet society's needs has always been an essential issue. The ability of graduates to meet the potential employer's expectations is a matter of great interest. Based on the analysis of the available student competency models, this paper studies the employer's assessment of graduates' capacity in 3 aspects: i) knowledge; ii) skills; and iii) personal qualities. The paper surveys 200 users of graduates majoring in economics. Based on the analysis of the survey results, the paper draws conclusions about the graduates' level of responsiveness to the employer's requirements. This helps training institutions improve their training programs to meet the changing needs of society.

Keywords: Assessment, employer, capacity.

* Corresponding author.

E-mail address: chilansgu.kt@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4466>

Năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế qua đánh giá của người sử dụng lao động

Lê Chi Lan*

*Trường Đại học Sài Gòn, 273 An Dương Vương,
Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 9 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 13 tháng 10 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 12 năm 2020

Tóm tắt: Phát triển đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội là một vấn đề cần thiết và là một quy luật tất yếu. Năng lực của sinh viên tốt nghiệp có đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động là một vấn đề đang rất được quan tâm. Bài viết đã nghiên cứu các mô hình năng lực của sinh viên. Qua đó nghiên cứu đánh giá của người sử dụng lao động đối với năng lực của sinh viên tốt nghiệp trên 3 khía cạnh: i) kiến thức; ii) kỹ năng; và iii) phẩm chất cá nhân. Mẫu khảo sát được thực hiện ở 200 người sử dụng sinh viên khối ngành kinh tế. Từ nghiên cứu, rút ra những kết luận về khả năng đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp hiện nay so với yêu cầu người sử dụng lao động. Điều này giúp các cơ sở đào tạo có thể cải tiến chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Từ khóa: Đánh giá, người sử dụng lao động, năng lực.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, theo tinh thần Nghị quyết này đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước, đáp ứng yêu cầu phát triển

của thời đại, mỗi sinh viên cần được rèn luyện trong một quy trình giáo dục hiệu quả, hợp lý, trong đó đặc biệt chú ý đến năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Thực tiễn, qua phản hồi của thị trường lao động nói chung và của người sử dụng lao động nói riêng cho thấy còn có những hạn chế nhất định đối với chất lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhiều sinh viên chưa chuẩn bị tâm thế sẵn sàng tham gia vào hoạt động nghề nghiệp, các em còn lúng túng và chưa thích nghi với những yêu cầu của môi trường lao động nghề nghiệp, trong công việc thực tế có nhiều điểm khác biệt với những lý thuyết mà họ được tiếp thu ở cơ sở đào tạo. Muốn đẩy mạnh việc phát triển kinh tế của xã hội, trước hết cần tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực thông qua việc nâng cao chất lượng về giáo dục và đào tạo. Bài toán hiện nay đặt ra cho xã hội là thừa sinh viên tốt nghiệp nhưng người sử dụng lao động vẫn không tuyển được nguồn nhân lực cần thiết. Vì thế câu hỏi đặt ra cho các nhà quản lý giáo dục sinh viên tốt nghiệp có đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động hay không? [1]. Trong quá trình hội nhập quốc

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: chilansgu.kt@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4466>

tế, giáo dục là một trong những lĩnh vực chịu tác động mạnh của quá trình toàn cầu hóa. Phát triển đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội là một vấn đề cần thiết và là một quy luật tất yếu. Tuy nhiên, năng lực của sinh viên tốt nghiệp có đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động hay không vẫn luôn là câu hỏi thúc đẩy những nhà nghiên cứu giáo dục nói chung và bản thân nhóm tác giả nói riêng cũng băn khoăn và trăn trở để tìm ra giải đáp. Nghiên cứu này được thực hiện khảo sát tại Trường Đại học Sài Gòn, mẫu chọn là khối ngành kinh tế vì đây là ngành có nhiều thí sinh thi tuyển sinh vào nhiều nhất.

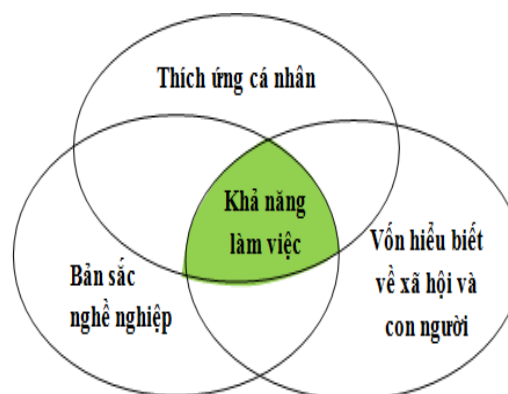
2. Các nghiên cứu liên quan đến năng lực sinh viên tốt nghiệp

2.1. Các mô hình nghiên cứu về năng lực làm việc của sinh viên

Mô hình CPS của Fugate và các cộng sự (2004) được xác định bởi các yếu tố (Hình 1) như sau: Bản sắc nghề nghiệp (Career identity) - Thích ứng cá nhân (Personal adaptability) - Vốn hiểu biết về xã hội và con người (Social and human capital). Điểm mạnh của mô hình CPS là nêu được các yếu tố tạo nên khả năng làm việc hay năng lực làm việc của sinh viên tốt nghiệp gồm: thích ứng nghề nghiệp, bản sắc nghề nghiệp và vốn hiểu biết về xã hội, con người. Tuy nhiên, trong mô hình này đưa ra các khái niệm còn chung chung, chưa phân tích rõ các khái niệm như thích ứng cá nhân, bản sắc nghề nghiệp,... Ngoài ra, tác giả chưa làm rõ mối liên hệ giữa các thành tố trong mô hình [2].

Các nghiên cứu về yêu cầu của người sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp không nhiều, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào chương trình đào tạo. Năm 2011, tác giả Vũ Thế Dũng và Trần Thanh Tông đã tiến hành phương pháp nghiên cứu tương tự như tác giả Bannett (2002) là thống kê các yêu cầu của người sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp ở Việt Nam ngành quản lý kinh tế, phương pháp nghiên cứu của 2 tác giả này là phân tích nội dung dựa trên 2,500 mẫu quảng cáo tuyển dụng. Kết quả của nghiên cứu cho thấy người sử dụng lao động kì vọng sinh viên

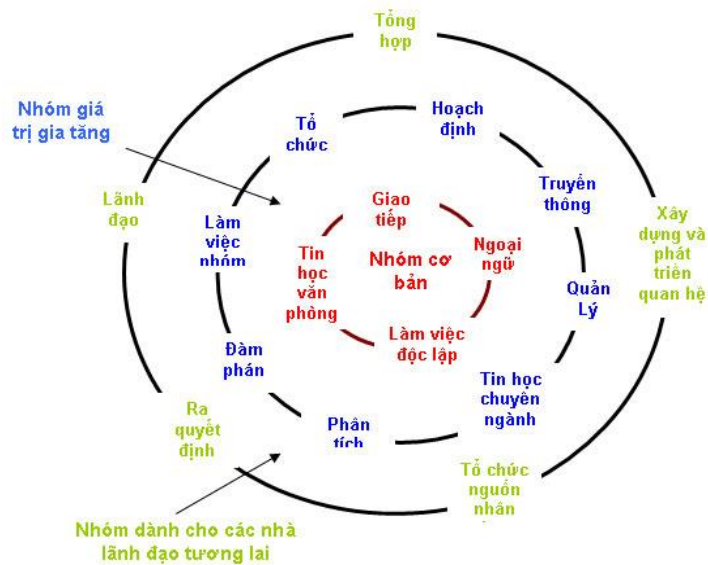
tốt nghiệp ngành quản lý/kinh tế có tổng cộng 17 kỹ năng cần thiết được chia thành 3 nhóm chính (Hình 2): i) Nhóm kỹ năng cơ bản; ii) Nhóm kỹ năng giá trị gia tăng; và iii) Nhóm dành cho lãnh đạo tương lai. Điểm mạnh của nghiên cứu này là nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích nội dung từ các mẫu tuyển dụng, từ đó nhóm tác giả đã đưa ra yêu cầu của người sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp. Kết quả của nghiên cứu cho thấy người sử dụng lao động rất cần sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng làm việc để mang lại hiệu quả trong công việc như kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề [3].



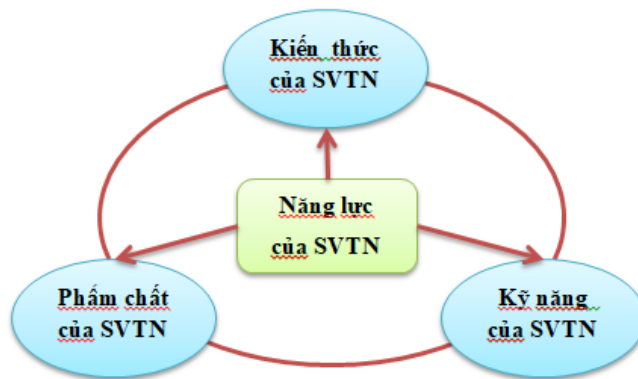
Hình 1. Mô hình CPS kỹ năng làm việc của sinh viên tốt nghiệp.

2.2. Yêu cầu của người sử dụng lao động về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế

Chất lượng đào tạo là kết quả của quá trình đào tạo được thể hiện qua mức độ đạt được mục tiêu đề ra trong chuẩn đầu ra. Việc xây dựng và cập nhật chuẩn đầu ra nhằm mục tiêu cải thiện năng lực của sinh viên tốt nghiệp bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ, trên cơ sở bổ sung vào chuẩn đầu ra các đặc tính cần thiết của sinh viên tốt nghiệp mà người sử dụng lao động yêu cầu. Thông qua các nghiên cứu của các nhà giáo dục có thể thấy rằng sự đánh giá của người sử dụng lao động về năng lực của sinh viên tốt nghiệp gồm 3 nhân tố (Hình 3): i) Kiến thức của sinh viên tốt nghiệp; ii) Kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp; và iii) Phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp.



Hình 2. Mô hình kỹ năng cần thiết của sinh viên tốt nghiệp.



Hình 3. Khung lý thuyết nghiên cứu năng lực của sinh viên tốt nghiệp (SVTN).

+ Kiến thức sinh viên tốt nghiệp

Yêu cầu của người sử dụng lao động nói chung và yêu cầu của công việc nói riêng đối với sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế bao gồm các yếu tố như: Sự hiểu biết, kỹ năng, niềm tin/phẩm chất và tư duy/nhận thức. Sự hiểu biết trong nghiên cứu này được xem là kiến thức về một vấn đề nào đó. Các kiến thức cần có của sinh viên tốt nghiệp bao gồm: kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành. Kiến thức chung bao gồm: kiến thức nền tảng chung là kiến thức về phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan. Kiến thức chung theo lĩnh vực, theo từng ngành,... kiến thức chuyên ngành mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên

ngành và bổ trợ bao gồm kiến thức thực tập và tốt nghiệp, kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, liên quan đến việc thực tập, thực tế, đồ án, niên luận và khóa luận,...). Yêu cầu của người sử dụng lao động về sự kiến thức cũng như sự hiểu biết của sinh viên tốt nghiệp luôn thay đổi theo sự phát triển của xã hội, các cơ sở đào tạo cần cập nhật kịp thời trong quá trình đào tạo để sinh viên tốt nghiệp có thể có những kiến thức chung và kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp

Theo tác giả Hillage và Pollard (1998) việc làm đối với cá nhân phụ thuộc vào kiến thức, kỹ năng của bản thân cá nhân. Nhu cầu của thị

trường lao động ngoài sự hiểu biết của sinh viên tốt nghiệp còn tìm kiếm ở sinh viên tốt nghiệp các kỹ năng cần thiết. Kỹ năng theo quan điểm của từng tác giả rất khác nhau như: Kỹ năng chủ động và có khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, đây là những kỹ năng làm việc mà người sử dụng lao động tìm kiếm khi tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp (Zehrer và Mossenlechner, 2009). Kỹ năng giao tiếp, sự đồng cảm, động lực, khả năng lập kế hoạch, giải quyết công việc và khả năng sáng tạo (Bagshaw, 1996) [4]. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp cần một số kỹ năng cốt lõi bao gồm tự quản lý, giao tiếp bằng văn bản và bằng miệng, và phân tích vấn đề. Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tin học, đạo đức nghề nghiệp, lập và sắp xếp các kế hoạch và đối phó tình huống thất bại (Yorke và Knigh, 2006). Ngoài ra, theo các tác giả N.P Yen, S.Kamariah, Abdullah, P. Hwa, Nee, N. Huong (2009) [5] đã chỉ ra các kỹ năng mà sinh viên tốt nghiệp cần thiết được nhà tuyển dụng quan tâm như: i) Khả năng áp dụng kiến thức; ii) Khả năng phân tích vấn đề, Khả năng suy nghĩ một cách sáng tạo để tạo ra các giải pháp; iii) Khả năng tiếp cận thông tin; Khả năng tổng hợp và đánh giá các thông tin thu thập; Khả năng giao tiếp; iv) Khả năng cung cấp những ý tưởng/giải pháp; và v) Khả năng thích ứng với công nghệ mới,... Tuy nhiên bên cạnh những kỹ năng chung, tùy theo từng ngành đào tạo có những đặc trưng riêng nên sẽ có những yêu cầu kỹ năng riêng [5].

+ Phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp

Bên cạnh yêu cầu của công việc đối với sinh viên tốt nghiệp về kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thì phẩm chất cá nhân hay thái độ của sinh viên tốt nghiệp được người sử dụng lao động quan tâm trong tuyển dụng. Phẩm chất cá nhân của sinh viên tốt nghiệp chính là tính cách, hành vi và thái độ của mỗi người, sự thành công của mỗi cá nhân phần lớn là do tính cách và thái độ quyết định. Phẩm chất đạo đức là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng mối quan hệ giữa con người với con người trong gia đình, trong xã hội cũng như trong công việc. Phẩm chất đạo đức của mỗi người được thể hiện qua 3 yếu tố: i) Tính cách; ii) Hành vi; và iii) Thái độ. Tính cách được hiểu

là tính tình của một cá nhân trong sinh hoạt hàng ngày. Tính cách của cá nhân thể hiện trình độ văn hóa, nguyên tắc sống của cá nhân. Những tính cách cần thiết cho mỗi cá nhân là: trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, tính kỷ luật,... Hành vi là cách ứng xử của cá nhân trước một sự vật hay hoàn cảnh cụ thể. Hành vi được thể hiện qua lời nói, cử chỉ và hành động. Những hành vi cần thiết cho mỗi cá nhân là: sự tự trọng, tự giác, tinh thần trách nhiệm,... Thái độ là cách nghĩ, cách nhìn và cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề hay một tình hình cụ thể. Thái độ là yếu tố quyết định sự phát triển và sự thành công. Thái độ cần thiết của sinh viên tốt nghiệp là: sự tự tin, lạc quan, chấp nhận thất bại, cầu tiến,...

3. Quy trình và thiết kế nghiên cứu

3.1. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp cả phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng và được tiến hành 2 bước chính (Hình 4): Nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức.

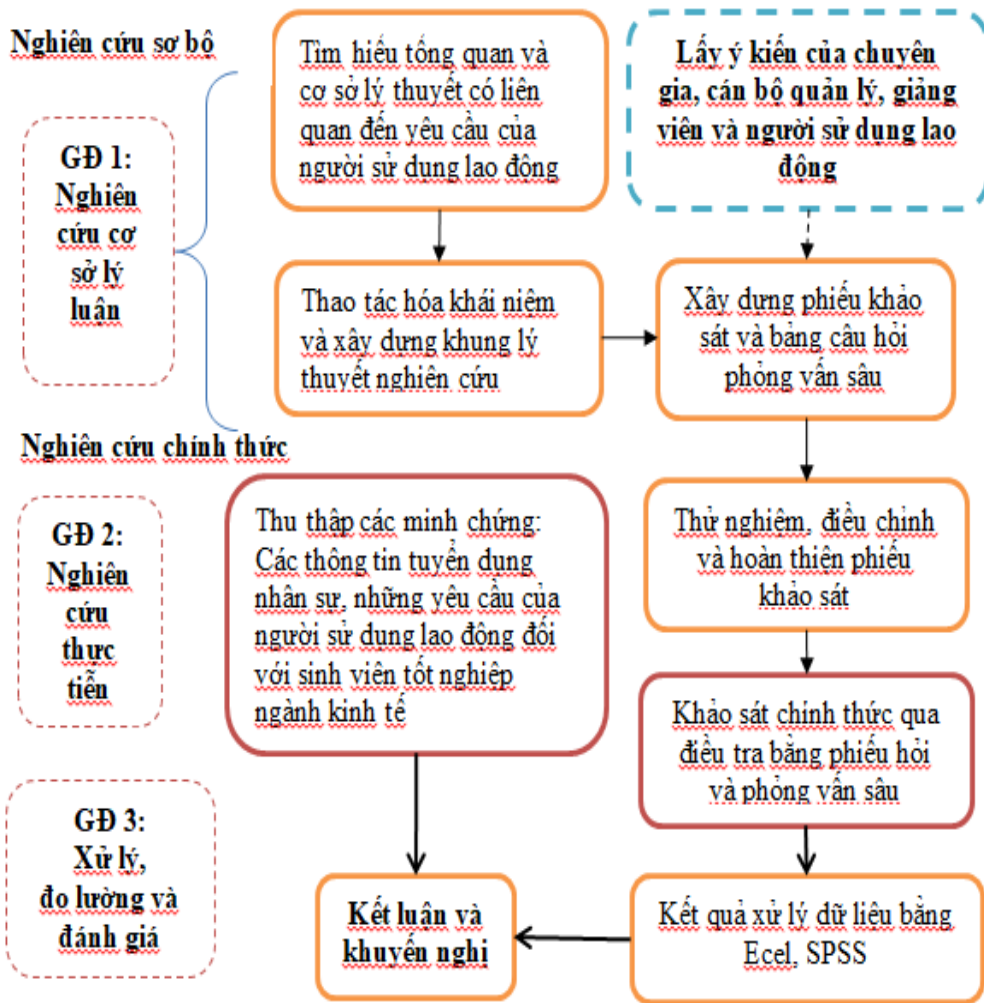
Trên cơ sở thăm dò ý kiến từ phía chuyên gia, cán bộ quản lý và giảng viên, nghiên cứu tiến hành xây dựng phiếu khảo sát ý kiến liên quan năng lực của sinh viên tốt nghiệp khối ngành kinh tế. Nhóm tác giả tiến hành điều tra thử nghiệm sau khi đã xây dựng phiếu khảo sát để kiểm tra độ tin cậy và độ giá trị của phiếu khảo sát, trên cơ sở đó chỉnh sửa các câu hỏi chưa đạt yêu cầu. Các biến số liên quan: Biến độc lập: i) Năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế; ii) Biến phụ thuộc; iii) Kiến thức sinh viên tốt nghiệp; iv) Kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp; và v) Phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp (Hình 4).

3.2. Quy trình chọn mẫu

Khách thể khảo sát là người sử dụng lao động bao gồm các loại hình tổ chức. Nghiên cứu thực hiện chọn mẫu với mục tiêu đảm bảo tính đại diện của mẫu vì vậy tác giả đã chia mẫu thành các cụm (các loại hình tổ chức) như: i) Nhà nước; ii) Liên doanh; iii) Trách nhiệm hữu hạn; iv) Cổ phần; và v) Doanh nghiệp vốn nước ngoài. Từ các cụm đã chọn, mẫu được

phân chia tại các quận thuộc khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu được chọn riêng biệt cho từng quận dùng phương pháp chọn ngẫu nhiên trong danh sách thu thập. Cỡ mẫu từng quận được chọn dựa trên tỷ lệ của cỡ dân số tại quận. Với tiêu chí trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phát ra 200 phiếu, số phiếu thu hồi và hợp lệ là 180 phiếu. Trong đó các tổ chức sử

dụng lao động gồm đầy đủ các hình thức như: Nhà nước (35 phiếu chiếm tỉ lệ 19,4%), liên doanh (61 phiếu chiếm tỉ lệ 33,9%), trách nhiệm hữu hạn (21 phiếu chiếm tỉ lệ 11,7%), cổ phần (38 phiếu chiếm tỉ lệ 21,1%), 100% vốn nước ngoài (18 phiếu chiếm tỉ lệ 10,0%), phi chính phủ (7 phiếu chiếm tỉ lệ 3,9%).



Hình 4. Quy trình nghiên cứu năng lực của sinh viên tốt nghiệp khối ngành kinh tế qua đánh giá của người sử dụng lao động.

Việc thiết kế bảng hỏi với những thang đo lường có độ tin cậy là rất quan trọng. Tổng cộng phiếu khảo sát có 35 câu hỏi được thiết kế để tìm hiểu mức độ quan trọng và mức độ đáp ứng về năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế. Sau khi tiến hành phát và thu phiếu hỏi

về, tác giả đã tiến hành mã hóa các dữ liệu trên thang đo 5 mức, được tính với số điểm như sau: Thang đo 1: Không quan trọng = 1 điểm; Ít quan trọng = 2 điểm; Phân vân = 3 điểm và quan trọng = 4 điểm; Rất quan trọng = 5 điểm; Thang đo 2: Không đáp ứng = 1 điểm; Ít đáp

ứng = 2 điểm; Đáp ứng trung bình = 3 điểm; Đáp ứng khá = 4 điểm; Đáp ứng tốt = 5 điểm.

Để đánh giá độ tin cậy của thang đo của phiếu hỏi, nghiên cứu đã tiến hành sử dụng công cụ Cronbach Alpha, kết quả Cronbach Alpha = 0,841 đến gần 1. Điều này chứng tỏ thang đo dùng để đo lường năng lực của sinh viên tốt nghiệp qua đánh giá của người sử dụng lao động có độ tin cậy cao.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn khảo sát thêm về vị trí công việc mà sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế đảm nhận khi họ xin được việc làm, kết quả khảo sát thu được vị trí phụ việc chiếm tỉ lệ khá cao 55%, vị trí độc lập chiếm tỉ lệ 41,7%, một số ít còn lại 3,3% ở vị trí trợ lý. Qua tìm hiểu ý kiến người sử dụng lao động thì hầu hết sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế chưa có kinh nghiệm trong công việc vì vậy không thể giao hoàn toàn công việc mà bước đầu phải phụ việc để học hỏi kỹ năng của công việc. Kết quả nghiên cứu khảo sát khảo sát về thời gian làm việc cho thấy sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế khi đảm nhận công việc thì họ khá kiên trì trong công việc, một số ít sinh viên tốt nghiệp làm việc dưới 6 tháng rồi chuyển nghề khá nhỏ chiếm tỉ lệ thấy 6,7%, thời gian làm việc trên 2 đến 4 năm chiếm tỉ lệ 58,3%. Qua tìm hiểu ý kiến người sử dụng lao động thì sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế khi hòa nhập vào công việc thì họ rất kiên định theo con đường đã được đào tạo. Nhóm nghiên cứu tiến hành tìm hiểu năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế trên 3 khía cạnh: i) Kiến thức; ii) Kỹ năng; và iii) Phẩm chất. Chọn mẫu để phỏng vấn sâu: 10 người sử dụng lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân để đối chiếu kết quả khảo sát.

4. Đánh giá năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế

Các kiến thức cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế bao gồm: kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành. Cụ thể: Kiến thức chung gồm: kiến thức nền tảng chung là kiến thức về phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan; Kiến thức chung theo lĩnh vực, theo từng ngành,... Kiến thức chuyên ngành mang

tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm kiến thức thực tập và tốt nghiệp, kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, liên quan đến việc thực tập, thực tế, đồ án, niên luận và khóa luận,...) cụ thể:

i) Kiến thức liên quan đến sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán bao gồm các kiến thức về chuẩn mực kế toán, chế độ Tài chính - Kế toán do nhà nước ban hành, kiến thức về các nghiệp vụ chuyên môn như kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính, kiểm toán,... (Chương trình đào tạo ngành Kế toán năm 2019, Trường Đại học Sài Gòn);

ii) Kiến thức liên quan đến sinh viên tốt nghiệp ngành tài chính - ngân hàng bao gồm các kiến thức nghiệp vụ chuyên môn tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kế toán, phân tích tài chính, bảo hiểm, thuế,... kiến thức về nghiệp vụ ngân hàng, thương mại, kế toán ngân hàng thương mại,... và các nghiệp vụ về quản lý tài chính, ngân hàng trong các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước,... (Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng năm 2019, Trường Đại học Sài Gòn);

iii) Kiến thức liên quan đến sinh viên tốt nghiệp ngành quản trị kinh doanh bao gồm các kiến thức về việc hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm soát quá trình vận hành một doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường; kiến thức về quá trình tổ chức, phối kết hợp các nguồn lực để đáp ứng tốt nhất nhu cầu biến đổi và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho doanh nghiệp trong việc tổ chức hoạt động sản xuất; kiến thức về marketing,... (Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh, 2019, Trường Đại học Sài Gòn).

Bên cạnh những kỹ năng chung, tùy theo từng ngành đào tạo có những đặc trưng riêng nên sẽ có những yêu cầu kỹ năng riêng. Cụ thể: khối ngành kinh tế, nghiên cứu 3 ngành đặc thù: kế toán, tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh thì cần có những kỹ năng sau (Bảng 1):

Bên cạnh nhu cầu của thị trường lao động đối với sinh viên tốt nghiệp về sự hiểu biết và các thuộc tính kỹ năng, phẩm chất đạo đức của sinh viên tốt nghiệp được người sử dụng lao động quan tâm trong tuyển dụng.

Bảng 1. Những kỹ năng chuyên môn cần thiết cho sinh viên ngành kinh tế

STT	Ngành đào tạo	Kỹ năng chuyên môn cần thiết
1	Kế toán	<p>Kỹ năng thực hiện các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính như: kế toán vật tư, kế toán công nợ, kế toán ngân hàng, kế toán tiền lương, kế toán tài sản cố định, kế toán giá thành, kế toán tổng hợp.</p> <p>Có kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán để xử lý các công việc kế toán.</p> <p>Có kỹ năng thực hiện công việc kiểm toán ở các công ty kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước.</p> <p>Có khả năng phân tích tình hình tài chính phục vụ cho các quyết định tài chính.</p> <p>Có khả năng dự toán, phân tích, đánh giá và ra các quyết định kinh doanh.</p>
2	Tài chính Ngân hàng	<p>Có kỹ năng hoạch định, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong quản trị tài chính các doanh nghiệp, thẩm định dự án, kinh doanh chứng khoán và đầu tư tài chính ở các tổ chức tài chính (quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, bảo hiểm,...).</p> <p>Có kỹ năng thực hiện nghiệp vụ tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế, kinh doanh trong các ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong các tổ chức tài chính khác như: thuế, kho bạc, hải quan và các nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng sử dụng phần mềm tin học để xử lý các bài toán tài chính phục vụ cho việc quản lý tài chính.</p> <p>Có kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm.</p>
3	Quản trị Kinh doanh	<p>Có khả năng hoạch định chiến lược kinh doanh.</p> <p>Có khả năng thiết lập và quản lý dự án đầu tư.</p> <p>Có khả năng phân tích, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.</p> <p>Có khả năng tổ chức, động viên, điều khiển cá nhân, tập thể trong một đơn vị để đạt được mục tiêu của tổ chức.</p> <p>Có kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng thuyết trình.</p>

Phẩm chất đạo đức của sinh viên tốt nghiệp chính là tính cách, hành vi và thái độ của mỗi người, sự thành công của mỗi cá nhân phần lớn là do tính cách và thái độ quyết định. Phẩm chất đạo đức là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng mối quan hệ giữa con người với con người trong gia đình, trong xã hội cũng như trong công việc. Phẩm chất đạo đức của mỗi người được thể hiện qua 3 yếu tố: tính cách, hành vi và thái độ:

i) Tính cách được hiểu là tính tình của một cá nhân trong sinh hoạt hàng ngày. Tính cách của cá nhân thể hiện trình độ văn hóa, nguyên tắc sống của cá nhân. Những tính cách cần thiết cho mỗi cá nhân là: trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, tính kỷ luật,...;

ii) Hành vi là cách ứng xử của cá nhân trước một sự vật hay hoàn cảnh cụ thể. Hành vi được thể hiện qua lời nói, cử chỉ và hành động. Những hành vi cần thiết cho mỗi cá nhân là: sự tự trọng, tự giác, tinh thần trách nhiệm,...;

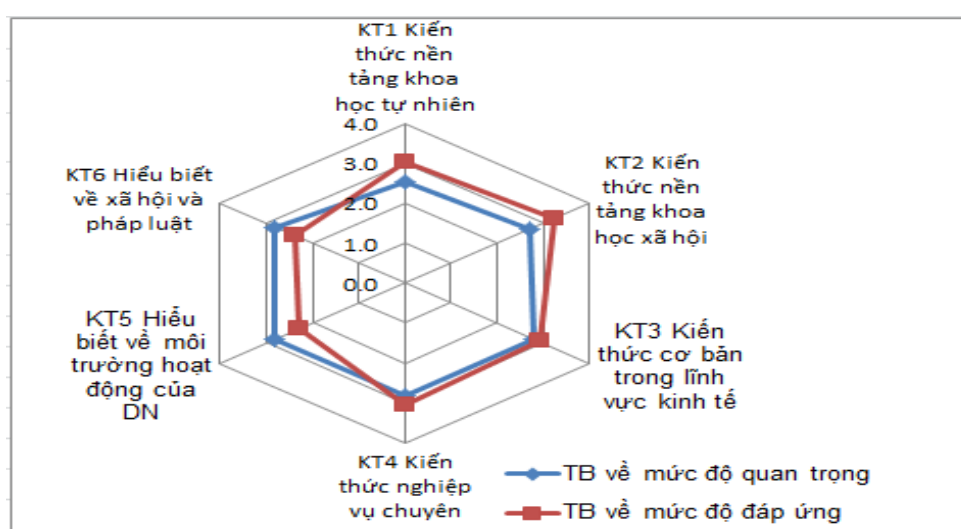
iii) Thái độ là cách nghĩ, cách nhìn và cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề hay một tình hình cụ thể. Thái độ là yếu tố quyết định sự phát triển và sự thành công. Thái độ cần thiết cho mỗi cá nhân là: sự tự tin, lạc quan, chấp nhận thất bại, cầu tiến,...

4.1. Đánh giá của người sử dụng lao động về mặt kiến thức của sinh viên tốt nghiệp

Căn cứ vào kết quả khảo sát của Hình 5 về ý kiến của người sử dụng lao động về mặt kiến

thức sinh viên tốt nghiệp hoàn toàn có thể đáp ứng về mặt kiến thức, so sánh trung bình của giữa 2 mức độ quan trọng và mức độ đáp ứng cho thấy: kiến thức nền tảng khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn hoàn toàn đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, sự hiểu biết về môi trường hoạt động của doanh nghiệp và sự hiểu biết về xã hội và pháp luật, theo ý kiến của người sử dụng lao động chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn hiện nay, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế vì hiện

nay giáo trình giảng dạy chưa cập nhật tình hình mới. Ngoài ra, môi trường hoạt động của doanh nghiệp đa dạng và môi trường xã hội biến động vì vậy ảnh hưởng đến sự hiểu biết của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế khá nhiều. Ngoài ra, người sử dụng lao động cho rằng các kiến thức được học ở trường đại học nhiều, thời lượng thực hành ít, vì vậy, sinh viên tốt nghiệp cảm thấy bỡ ngỡ khi bắt tay vào công việc không biết phải xử lý công việc như thế nào. Vì vậy, các trường đại học cần tăng cường khả năng làm việc hơn nữa trong các quá trình.

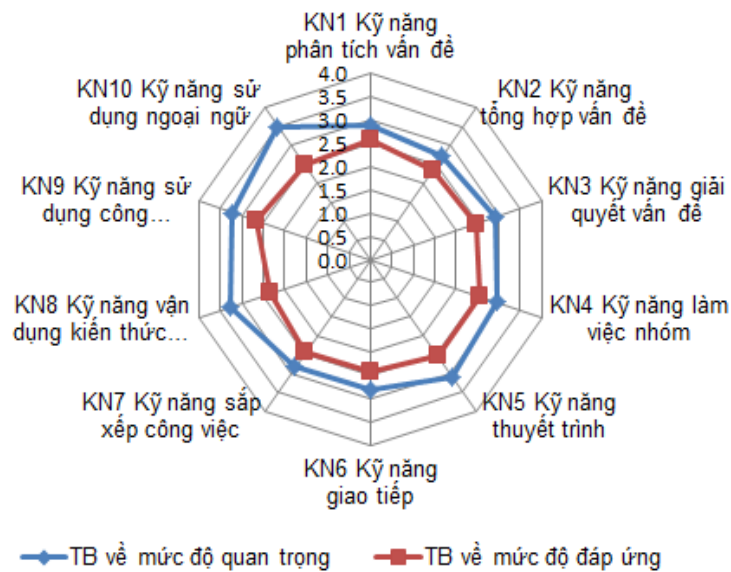


Hình 5. Ý kiến của người sử dụng lao động về kiến thức của sinh viên tốt nghiệp.

4.2. Đánh giá của người sử dụng lao động về kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp

Quan sát Hình 6 cho thấy có sự chênh lệch giữa mức độ quan trọng so với khả năng đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp. Ngoài ra, các kỹ năng như: phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng sắp xếp công việc; kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế; kỹ năng công nghệ thông tin và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ,... rất được người sử dụng lao động quan tâm. Tuy nhiên, khả năng đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp không được như mong đợi từ phía nhà tuyển dụng đặc biệt là: kỹ năng vận dụng kiến thức có độ chênh lệch cao 0,944

điểm; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin có độ chênh lệch là 0,556 điểm; kỹ năng thuyết trình có độ chênh lệch khá cao 0,556 điểm; độ chênh lệch của kỹ năng sử dụng ngoại ngữ rất cao cụ thể: tầm quan trọng được đánh giá quan trọng (3,507 điểm) tuy nhiên mức độ đáp ứng là tương đối (2,50 điểm). Vì vậy, qua kết quả nghiên cứu này cho thấy hầu hết các kỹ năng làm việc của sinh viên tốt nghiệp còn bị hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động vì thời gian học tập trên lớp các bạn học quá nhiều lí thuyết nhưng phân thực hành tiếp xúc thực tế bị hạn chế khá nhiều. Cụ thể, ý kiến người sử dụng lao động về kỹ năng làm việc của sinh viên tốt nghiệp như sau (Hộp 1):



Hình 6. Ý kiến của người sử dụng lao động về kỹ năng làm việc của sinh viên tốt nghiệp.

Hộp 1. Phỏng vấn sâu nhà doanh nghiệp về kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp

(Trưởng phòng nhân sự, công ty may mặc, nữ, 40 tuổi)

“... Khi tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế, chúng tôi thường quan tâm đến các trình độ hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của sinh viên tốt nghiệp. Trong những năm qua sinh viên tốt nghiệp cũng dần dần đáp ứng được yêu cầu công việc, điểm mạnh của sinh viên tốt nghiệp là kiến thức lý thuyết của họ rất nhiều, khi nói đến nội dung thì họ đều biết. Tuy nhiên có điều còn hạn chế là khả năng ứng dụng chưa được tốt phải trải qua thời gian thử việc tại công ty.

(Trưởng phòng nhân sự, công ty Xuất nhập khẩu, nam, 43 tuổi)

“... Điểm yếu của sinh viên tốt nghiệp là khả năng vận dụng kiến thức đã học vào công việc. Ngoài ra, kỹ năng làm việc, khả năng giao tiếp và nắm bắt thông tin của sinh viên tốt nghiệp còn yếu chưa đáp ứng được yêu cầu của công ty. Để cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo thì việc hợp tác đào tạo giữa nhà trường và nhà doanh nghiệp cần phải tăng cường hơn nữa.

Dựa trên hộp phỏng vấn 1, cho thấy nhà trường là nơi trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có thể hòa nhập vào đời sống xã hội. Kiến thức là một trong những yếu tố quan trọng mà bất kỳ nhà tuyển dụng nào cũng quan tâm đến. Kiến thức bao gồm: kiến thức chuyên ngành và kiến thức xã hội. Kiến thức chuyên ngành được coi là yếu tố quyết định thành bại trong công việc; sinh viên tốt nghiệp nếu có kiến thức và kỹ năng chuyên

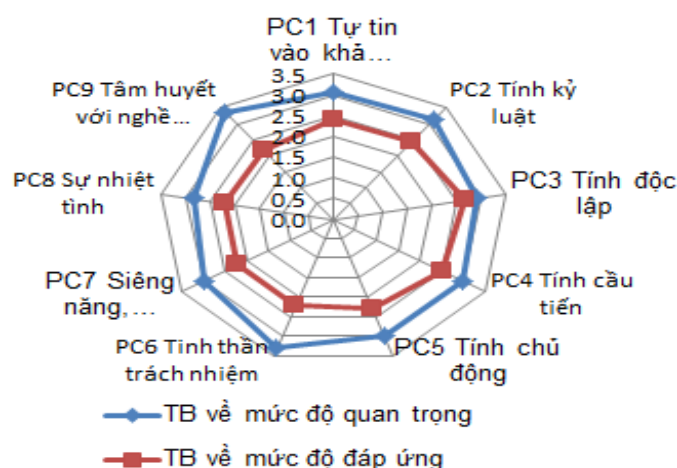
môn phù hợp sẽ hoàn thành công việc một cách hiệu quả và nhanh chóng hơn. Bên cạnh kiến thức xã hội cũng là yếu tố cơ bản hỗ trợ cho công việc, việc áp dụng những kiến thức chuyên môn có mục đích đòi hỏi mỗi người phải có những hiểu biết về thực tế, nắm bắt được nhu cầu xã hội. Kỹ năng là điều không thể thiếu đối với sinh viên tốt nghiệp cụ thể: kỹ năng giao tiếp; làm việc nhóm; lãnh đạo; quản lý thời gian; thiết lập kế hoạch; sáng tạo và đổi mới; nói chuyện trước đám đông; thấu hiểu;

giải quyết xung đột;... là những kỹ năng cần thiết cho sinh viên tốt nghiệp.

4.3. Đánh giá của người sử dụng lao động về phẩm chất đạo đức của sinh viên tốt nghiệp

Trong mọi nghề nghiệp, để có thể thực hiện công việc với chất lượng cao, thì thái độ làm việc đóng vai trò quan trọng ví dụ: trong nghề kế toán, kiểm toán,... là nghề mang tính chuyên nghiệp cao và rất cần những người có tính trung thực và có tinh thần trách nhiệm cao. Căn cứ vào Hình 7 cho thấy người sử dụng lao động rất quan tâm đến thái độ của sinh viên tốt nghiệp, người sử dụng lao động khi tuyển dụng rất cần những sinh viên tốt nghiệp tự tin vào khả năng của bản thân, tính kỷ luật, độc lập, cầu tiến, chủ động, có tinh thần trách nhiệm, siêng năng, chăm chỉ, tâm huyết với nghề nghiệp,... Tuy

nhiên mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp chưa thỏa mãn kỳ vọng của người sử dụng lao động, sự chênh lệch về khả năng đáp ứng về tinh thần trách nhiệm (1,10556 điểm) và tâm huyết với nghề nghiệp khá lớn (1,222 điểm). Thật vậy, trong thực tế cho thấy trong nhà trường đại học quá chú trọng về kiến thức và kỹ năng chuyên môn, việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cho sinh viên hầu như rất ít được quan tâm đặc biệt là chưa chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho sinh viên tốt nghiệp. Mặt khác, do sinh viên tốt nghiệp ít được tham gia thực tế môi trường làm việc nên rất khó rèn luyện phẩm chất tâm huyết với nghề nghiệp. Qua hộp phỏng vấn 2, cho thấy người sử dụng rất quan tâm đến các phẩm chất đạo đức của sinh viên tốt nghiệp như: tự tin vào bản thân và khả năng thích ứng với những thay đổi,...



Hình 7. Ý kiến của người sử dụng lao động về phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp.

Hộp 2. Phỏng vấn sâu nhà doanh nghiệp về kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp

(Nam, trưởng phòng nhân sự công ty xuất nhập khẩu)

Các cơ sở đào tạo cần bổ sung các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho sinh viên, tăng thực hành và giảm lý thuyết. Tăng cường thêm các kỹ năng mềm giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp. Mặt khác, nhà trường cần đào tạo gắn với thực tiễn cụ thể là nên đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp.

(Nữ, phó trưởng phòng nhân sự công ty bao bì)

Thị trường lao động rất đa dạng và phong phú, vì vậy nhà trường cần nên đào tạo sinh viên có năng lực làm việc độc lập, tự tin vào bản thân và khả năng thích ứng với những thay đổi. Ngoài ra nhà trường cần xác định nhu cầu của thị trường lao động để đào tạo theo nhu cầu thực tiễn.

4.4. Mối quan hệ giữa kiến thức, kỹ năng và phẩm chất thể hiện năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế

Dựa trên kết quả của Bảng 1 cho thấy năng lực của sinh viên tốt nghiệp có mối tương quan rất cao với phẩm chất đạo đức của sinh viên tốt nghiệp (0,831 tức 83,1%) và kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp (0,736 tức 73,6%), năng lực của sinh viên tốt nghiệp tương quan đối với kiến thức của sinh viên tốt nghiệp (0,501 tức 50,1%).

Bảng 1. Mối tương quan giữa năng lực với kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp theo ý kiến của người sử dụng lao động

		Kiến thức	Kỹ năng	Phẩm chất
Năng lực sinh viên tốt nghiệp	Pearson Correlation	0,501**	0,736**	0,831**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

5. Kết luận

Năng lực của sinh viên tốt nghiệp qua kết quả nghiên cứu cho thấy ý kiến của người sử dụng lao động đánh giá về mặt kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp chưa thỏa mãn kỳ vọng của người sử dụng lao động, đặc biệt về tinh thần trách nhiệm và tâm huyết với nghề nghiệp khá lớn còn thấp so với khả năng đáp ứng công việc. Năng lực của cá nhân sinh viên tốt nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động, đặc biệt năng lực tự học, kỹ năng khai thác và sử dụng dữ liệu trong công việc. Qua nghiên cứu cho thấy rằng các trường đại học cần quan tâm và tích hợp vào quá trình đào tạo những nhân tố sau:

i) Tích hợp nhu cầu của thị trường lao động về kinh nghiệm của sinh viên tốt nghiệp bằng cách trong quá trình đào tạo giúp sinh viên tốt nghiệp liên kết được giữa lý thuyết đã học và thực hành. Bên cạnh đó kinh nghiệm có được từ việc tích lũy kinh nghiệm cho sinh viên trong quá trình thực tập tại các tổ chức hoặc các doanh nghiệp. Vì vậy, chương trình đào tạo cần điều chỉnh bằng cách tăng thêm thời lượng thực tập và giảm thời lượng lý thuyết tăng cường thời lượng thực hành tại các tổ chức doanh nghiệp;

ii) Thực hiện quan hệ hợp tác trong đào tạo thông qua việc người sử dụng lao động nhận sinh viên thực tập và tham quan thực tế, tổ chức

Theo các chuyên gia tuyển dụng thì phần lớn sinh viên thiếu hoặc yếu các kỹ năng thực hành (có thể áp dụng vào thực tế công việc), mặc dù sinh viên tốt nghiệp đã được đào tạo bài bản suốt mấy năm tại các trường đại học tuy nhiên kỹ năng làm việc chưa cao. Ngoài ra, khả năng thực hành, học hỏi và kỹ năng cá nhân được xem là yếu tố quan trọng nhất mà người sử dụng lao động cần ở sinh viên tốt nghiệp.

chương trình giao lưu giữa cơ sở đào tạo và người sử dụng lao động. Bên cạnh đó người sử dụng lao động cung cấp các thông tin về vấn đề yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nhu cầu tuyển dụng hoặc người sử dụng lao động hỗ trợ cơ sở vật chất và phương tiện dạy học. Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và người sử dụng lao động giúp cơ sở đào tạo điều chỉnh mục tiêu đào tạo theo hướng tiếp cận nhu cầu của thị trường lao động.

Tài liệu tham khảo

- [1] N.T. Minh, "Researching on the unemployment status of young students today", Journal of Educational Management 54 (2013) 29-32.
- [2] L.C. Lan, "Renovating education and training to reach the requirements of employers in the trend of higher education development", Saigon University Magazine, April, 20 (2014) 47-56.
- [3] N.T. Dung, T.T. Tong, Skills requirements for new graduates in management and economics: Application of content analysis method, Faculty research topic learn, 2011.
- [4] Bagshaw, "Creating employability: how can training and development square the circle between individual and corporate interest?", Industrial and Commercial Training 28(1) (1996) 16-18.
- [5] P. Yen, S. Kamariah, H.P. Abdullah, N.N. Huang, "Employers' Feedback On Business Graduates: An Exploratory Study In Curtin Sarawak", International Review of Business Research Papers 5(4) (2009) 306-321.